TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12-5-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Nghĩa và ông Lý Công Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lương Công Trứ – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 381/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Châu Thị Kim L, sinh năm 1974; ĐKHKTT: đường N, Phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Chỗ ở hiện nay: thôn P, xã K, huyện H, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Chí Th, sinh năm 1972; ĐKHKTT: đường N, Phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Chỗ ở hiện nay: thôn P, xã K, huyện H, tỉnh Phú Yên. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Châu Thị Kim L trình bày: Nguyên đơn và bị đơn anh Nguyễn Chí Th tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 1993, được Uỷ ban nhân dân Phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01, ngày 30 tháng 4 năm 1993. Sau khi cưới nhau về sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, không ai còn quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy mâu

thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu được giải quyết ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Chí Th1, sinh ngày 21/6/1996; Nguyễn Châu Chí T, sinh ngày 30/01/2006 (hiện đang ở với nguyên đơn). Ly hôn, nguyên đơn xin nhận nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Chí Th1 đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 4 năm 2022, bị đơn anh Nguyễn Chí Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 1993 tại Uỷ ban nhân dân Phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Qua thời gian chung sống, đến nay vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Châu Thị Kim L.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Chí Th1, sinh ngày 21/6/1996, đã thành niên nên anh không yêu cầu giải quyết; Nguyễn Châu Chí T, sinh ngày 30/01/2006, hiện cháu T sống cùng chị L. Ly hôn, anh thống nhất để chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Vì nhà xa và điều kiện sức khoẻ không đảm bảo nên anh xin vắng mặt tại phiên xét xử tranh chấp ly hôn của vợ chồng anh.

Tại phiên tòa:

Các đương sự xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Châu Chí T, sinh ngày 30/01/2006 (hiện đang ở với chị L) cho nguyên đơn chị Châu Thị Kim L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bị đơn anh Nguyễn Chí Th không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đối với cháu Nguyễn Chí Th1, sinh ngày 21/6/1996 đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên không giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: Không có nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Châu Thị Kim L xin ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Chí Th, đương sự thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên giải quyết là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[1.2] Về giải quyết vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn để hòa giải và xét xử nhưng bị đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Châu Thị Kim L và bị đơn anh Nguyễn Chí Th tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 1993, được Uỷ ban nhân dân Phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01, ngày 30 tháng 4 năm 1993 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, phát sinh những mâu thuẫn như các đương sự đã trình bày. Xét thấy, mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn chị Châu Thị Kim L được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Chí Th.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Chí Th1, sinh ngày 21/6/1996; Nguyễn Châu Chí T, sinh ngày 30/01/2006. Các đương sự thống nhất giao cháu Nguyễn Châu Chí T cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao con chung tên Nguyễn Châu Chí T, sinh ngày 30/01/2006 (hiện đang ở với chị L) cho nguyên đơn chị Châu Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn anh Nguyễn Chí Th không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đối với cháu Nguyễn Chí Th1, sinh ngày 21/6/1996 đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Châu Thị Kim L được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Chí Th.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Châu Chí T, sinh ngày 30/01/2006 (hiện đang ở với chị L) cho nguyên đơn chị Châu Thị Kim L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bị đơn anh Nguyễn Chí Th không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đối với cháu Nguyễn Chí Th1, sinh ngày 21/6/1996 đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí HNGĐ-ST: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Châu Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004863 ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hoà;
- UBND Phường 3, TP. Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thanh Vân

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh P;
- VKSND TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- UBND Phường B, TP. T, tỉnh Phú Yên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Vân